

THÚC ĐẨY VÀ NÂNG CAO CHUỖI GIÁ TRỊ CHÈ HỮU CƠ TỈNH HÀ GIANG

PHẠM THỊ TRÂM

Tóm tắt: Bằng phương pháp phân tích chuỗi giá trị kết hợp với phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu, bài báo đã đánh giá thực trạng chuỗi giá trị chè hữu cơ tại tỉnh Hà Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các chủ thể tham gia chuỗi giá trị qua nhiều hình thức liên kết khác nhau, trong đó doanh nghiệp là chủ thể có vai trò quan trọng trong nâng cao hiệu quả hoạt động của chuỗi. Trên cơ sở đánh giá được những thành tựu, khó khăn trong hoạt động của chuỗi giá trị chè hữu cơ, bài báo đã đề xuất một số giải pháp thúc đẩy, nâng cao chuỗi giá trị chè hữu cơ tỉnh Hà Giang gồm: các giải pháp về hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển chuỗi giá trị nông sản, xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát hoạt động của các chủ thể trong chuỗi, ưu tiên về vốn cho việc đầu tư hoạt động sản xuất nhằm nâng cao giá trị của từng mắt xích trong chuỗi...

Từ khóa: chuỗi giá trị, chuỗi giá trị chè hữu cơ, chè Shan tuyết, Hà Giang

PROMOTE AND IMPROVE THE VALUE CHAIN OF ORGANIC TEA IN HA GIANG PROVINCE

Abstract: Using the analysis method of value chain combined with analyzing and synthesizing documents, the article evaluated the current status of the value chain of organic tea in Ha Giang province. Research results show that entities participate in the value chain through many different forms of association, in which businesses play an important role in improving the chain's operational efficiency. Based on the assessment of the achievements and difficulties in the operation of the organic tea value chain, the article has proposed a number of solutions to promote and improve the organic tea value chain in Ha Giang province. In particular, it is recommended to have solutions to improve the policy mechanism for developing the agricultural value chain, build and implement a mechanism to monitor the activities of entities in the chain, and prioritize capital for investment. invest in production activities to increase the value of each link in the chain...

Keywords: value chain, value chain of organic tea, Shan Tuyen tea, Ha Giang

1. Đặt vấn đề

Chuỗi giá trị được hiểu là một tập hợp các hoạt động gắn liền với quy trình tạo ra sản phẩm/dịch vụ của tổ chức bắt đầu từ việc thu thập, tiếp nhận nguyên liệu đầu vào cho tới trở thành thành phẩm, phân phối vào thị trường cùng các hoạt động có liên quan khác [4]. Chuỗi giá trị gồm nhân tố con người và hoạt động sản xuất, cải tiến sản phẩm, thông qua kết nối các nhà sản xuất với các nhà chế biến và thị trường.

Chuỗi giá trị (CGT) nông nghiệp là tổng thể các hoạt động liên quan đến ngành nông nghiệp, bao gồm các hoạt động có quan hệ với nhau: cung cấp đầu vào - tổ chức sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. CGT nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi cách thức phát triển nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường, góp phần hình thành những vùng nguyên liệu ổn định, quy mô sản lượng và chất lượng cao đồng thời thay đổi tập quán sản xuất nhỏ lẻ của người nông dân [1].

Hà Giang là tỉnh thuộc vùng miền núi phía Bắc, có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp hữu cơ, trong đó có sản phẩm chè hữu cơ. Trên địa bàn tỉnh, đã hình thành CGT chè hữu cơ với nhiều hình thức liên kết khác nhau, tạo nên các sản phẩm chè có giá trị, góp phần mở rộng và ổn định diện tích cây chè, nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Tuy nhiên, thực trạng phát triển CGT chè hữu cơ ở Hà Giang còn tồn tại các hạn chế nhất định như: các chủ thể trong chuỗi chưa phát huy được vai trò của mình trong xây dựng và hình thành chuỗi, các mắt xích trong các khâu sản xuất chè còn yếu, cơ chế chính sách cho phát triển và hỗ trợ các chủ thể trong chuỗi còn nhiều bất cập... làm ảnh hưởng tới tính bền vững và hiệu quả của chuỗi.

Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng CGT chè hữu cơ ở Hà Giang; đánh giá, phân tích vai trò của các bên liên quan trong CGT có ý nghĩa cấp thiết trong việc nâng cao CGT chè hữu cơ góp phần phát triển kinh tế địa phương.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài báo sử dụng dữ liệu thu thập từ Sở NN&PTNT tỉnh Hà Giang, dữ liệu thừa kế của đề tài cấp Bộ “Phát triển nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh Hà Giang và Yên Bái” do Viện Địa lý nhân văn chủ trì, các dữ liệu sơ cấp thu thập từ quá trình khảo sát thực tế tại tỉnh Hà Giang.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu thứ cấp, bức tranh chung về phát triển chè hữu cơ tại tỉnh Hà Giang đã được làm rõ.

Trên cơ sở ứng dụng và sử dụng phương pháp phân tích chuỗi giá trị, kết hợp với phương pháp khảo sát thực tế, bài báo đã đánh giá được vai trò của các chủ thể và giá trị của từng mắt xích trong chuỗi sản xuất chè hữu cơ, từ đó đề xuất

một số giải pháp nhằm nâng cao chuỗi giá trị chè hữu cơ của tỉnh Hà Giang.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái quát về phát triển chè hữu cơ tại tỉnh Hà Giang

Hà Giang có diện tích chè đứng thứ 2 so với các địa phương trồng chè trên cả nước. Cây chè, đặc biệt là chè Shan tuyết vùng cao được xác định là cây trồng thế mạnh của địa phương, đem lại giá trị cao cho xuất khẩu. Theo thống kê, tính đến cuối năm 2021, diện tích chè ở Hà Giang là 20.367,3 ha; trong đó, 17.065 ha là chè Shan tuyết (15.700 ha đã cho thu hoạch), chiếm 75,5% tổng diện tích chè toàn tỉnh, tập trung chủ yếu ở các huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Hoàng Su Phì, Xín Mần [2]. Diện tích chè ở Hà Giang phát triển tương đối ổn định.

Năm 2010, xuất phát từ nhu cầu mở rộng thị trường xuất khẩu chè sang châu Âu, Mỹ, Đài Loan, Nhật Bản, một số công ty chè đã tiếp cận quy trình canh tác và sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn hữu cơ quốc tế. Năm 2011, sản phẩm chè hữu cơ sản xuất từ 845,25 ha xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên đã được IFOAM cấp giấy chứng nhận chuẩn hữu cơ. Năm 2014, diện tích canh tác hữu cơ được mở rộng thêm 175,07 ha chè Shan tuyết tại xã Tiên Nguyên, huyện Quang Bình. Đến năm 2015, diện tích chè Shan tuyết hữu cơ theo tiêu chuẩn quốc tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang tiếp tục mở rộng thêm 136,55 ha tại xã Tả Sử Choóng, huyện Hoàng Su Phì; tổng diện tích sản xuất hữu cơ tăng lên 1.159,8 ha. Từ năm 2016 đến 2022, diện tích canh tác hữu cơ tiếp tục mở rộng nhanh, tính đến cuối năm 2022, toàn tỉnh có 7.071 ha chè Shan tuyết theo tiêu chuẩn hữu cơ, trong đó ước tính diện tích chè đạt tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam (TCVN -11041) cao hơn 5 lần so với diện tích chè đạt tiêu chuẩn châu Âu, Mỹ, Canada, IFOAM.

Bảng 1. Diện tích chè Shan tuyết hữu cơ tại tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2011 - 2022 (ha)

Vùng chè	Năm	2011	2014	2015	2020	2022
Chè Shan tuyết hữu cơ Hà Giang		845,25	1.020,30	1.159,8	6.719,51	7.071,00

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ số liệu Sở NN&PTNT tỉnh Hà Giang

Nếu xem xét qui mô diện tích chè Shan hữu cơ so với tổng diện tích chè và diện tích chè Shan tuyết, diện tích chè hữu cơ của Hà Giang chiếm tỷ trọng khá cao, tương ứng với 32,9 và 39,4%; dư địa mở rộng diện tích chè hữu cơ của tỉnh Hà Giang còn khá lớn.

Qui mô sản lượng chè Shan tuyết hữu cơ của tỉnh còn rất khiêm tốn. Theo thống kê, sản lượng chè Shan tuyết hữu cơ năm 2021 đạt khoảng 15,6 nghìn tấn chè búp tươi, gồm 15,1 nghìn tấn theo tiêu chuẩn Việt Nam, hơn 560 tấn theo tiêu chuẩn quốc tế. Nguyên nhân là do phần lớn diện tích chè Shan tuyết hữu cơ ở Hà Giang là cây chè cổ thụ, tuổi đời lớn (từ vài chục năm đến hàng trăm năm), sinh trưởng tự nhiên, ít được chăm sóc. Bên cạnh đó, tình trạng thân bị mối xâm lấn và sâu ăn lá làm cho năng suất chè Shan tuyết, đặc biệt là chè Shan tuyết hữu cơ thường rất thấp so với các loại chè khác.

3.2. Thực trạng chuỗi giá trị chè hữu cơ tại tỉnh Hà Giang

3.2.1. Các mô hình chuỗi điển hình

Theo số liệu của Sở NN&PTNT tỉnh Hà Giang, toàn tỉnh có hơn 700 công ty, doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), hộ kinh doanh và cơ sở chế biến chè, nhưng chỉ có 4 công ty, 19 HTX và 1 tổ hợp tác tham gia trồng, chế biến chè hữu cơ. Trong đó, chỉ có 1 HTX và 02 DN tham gia sản xuất chè hữu cơ theo tiêu chuẩn Quốc tế (EU, Canada), còn lại đều sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam. Qui mô diện tích chè hữu cơ của mỗi HTX, dao động từ 52 - 775 ha; qui

mô diện tích của các công ty tham gia sản xuất chè hữu cơ từ 220 - 1.000 ha.

Kết quả khảo sát thực địa tại Hà Giang cho thấy, chuỗi giá trị chè hữu cơ tỉnh Hà Giang được hình thành bởi các chủ thể: người nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp với các mối liên kết khác nhau: (1) liên kết giữa HTX với người nông dân; (2) liên kết giữa doanh nghiệp với người nông dân; (3) liên kết giữa HTX, doanh nghiệp, người nông dân và tổ chức khác.

3.2.2. Vai trò của các thành phần trong chuỗi giá trị chè hữu cơ

Trong mỗi hình thức liên kết của CGT chè hữu cơ, các chủ thể có vai trò khác nhau, từ khâu sản xuất đến tiêu thụ.

- *Hình thức liên kết giữa HTX và các hộ trồng chè:* theo hình thức tổ chức sản xuất này, các HTX thực hiện liên kết với người trồng chè để sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè Shan tuyết hữu cơ. Liên kết được thực hiện thông qua bản cam kết giữa các hộ trồng chè với HTX; trong đó, HTX cam kết bao tiêu sản phẩm theo giá thị trường, các hộ trồng chè cam kết thực hiện đúng các qui định của canh tác hữu cơ và bán sản phẩm cho HTX theo giá thị trường. Các hộ trồng chè được chia thành các tổ sản xuất để tiện cho công tác quản lý chất lượng, điều hành sản xuất.

Trong hình thức liên kết này, những hộ trồng chè đóng vai trò quan trọng trong liên kết, có quyền sở hữu đối với đất trồng chè, có quyền quyết định tham gia và không tham gia liên kết,

trực tiếp sản xuất chè hữu cơ cung cấp cho các HTX và hưởng lợi ích từ hoạt động sản xuất.

Nhà nước (trưởng thôn và chính quyền xã) đóng vai trung gian, chứng thực bản cam kết và tham gia vào quá trình theo dõi, giám sát để hỗ trợ hoạt động sản xuất hữu cơ của địa phương. Bên cạnh đó, thông qua chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn (chương trình nông thôn mới, chương trình giảm nghèo dựa vào phát triển hàng hóa, đề án tái cơ cấu nông nghiệp, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ theo Nghị định số 109/2018 ngày 29/8/2018 của Chính phủ...), chính quyền địa phương đã hỗ trợ cho các dự án liên kết: hỗ trợ kinh phí xác định vùng nguyên liệu; hỗ trợ kinh phí làm giấy chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam (lần đầu); hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, hỗ trợ 100% chi phí thiết kế mẫu và mua tem, bao bì; hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật canh tác hữu cơ...

HTX đóng vai trò vừa là người sản xuất vừa là người chế biến (thu mua chè tươi của người nông dân trong liên kết) để chế biến thành các sản phẩm chè khác nhau. Sau công đoạn chế biến, HTX trực tiếp bán cho người tiêu dùng hoặc qua tổ chức trung gian khác (đại lý bán lẻ, doanh nghiệp thương mại). HTX chịu trách nhiệm thiết kế mẫu mã, xây dựng thương hiệu, chi kinh phí xin cấp giấy chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn Việt Nam (kinh phí cấp lại). HTX cũng chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm chè theo tiêu chuẩn hữu cơ. Để đảm bảo chất lượng, các HTX chuyển giao phương pháp, kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản chè; giám sát quá trình sản xuất của các hộ trồng chè tham gia trong mô hình liên kết; tuân thủ các quy định

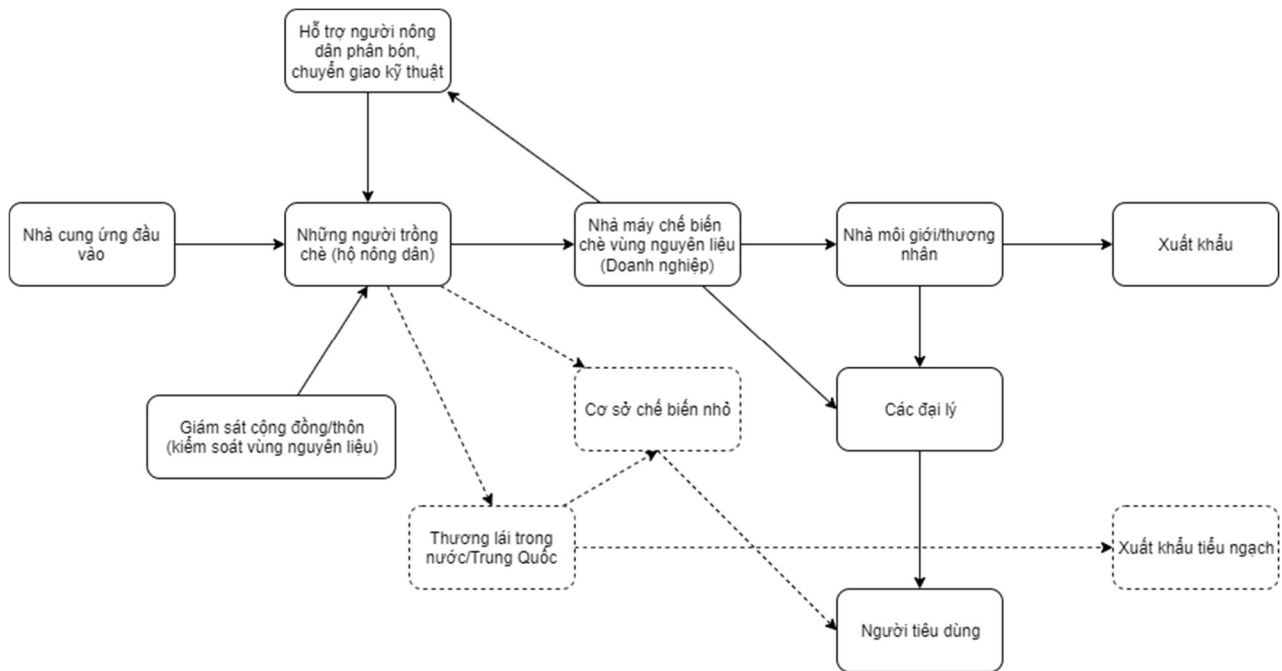
trong quá trình chế biến, bảo quản và đóng gói chè, dán nhãn.

Ở mô hình liên kết này, các nhà cung ứng đầu vào thường ít có vai trò quan trọng. Bởi vì người nông dân không sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu, phân bón. Các đầu vào sản xuất hữu cơ như các tri thức, qui trình canh tác hữu cơ được các thành viên HTX trực tiếp giám sát, hướng dẫn người nông dân. Các đầu vào khác như phân bón vi sinh, giống chè (trồng mới hoặc trồng lại đối với cây bị chết) do các HTX cung cấp hoặc người dân tự nhân giống.

- *Hình thức liên kết giữa doanh nghiệp với các hộ trồng chè:* theo hình thức tổ chức sản xuất này, doanh nghiệp và người nông dân ký giao ước cam kết với nhau. Trong đó, hộ nông dân cam kết sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, bán sản phẩm cho công ty theo giá trị trường, công ty sẽ cam kết bao tiêu toàn bộ sản phẩm cho người nông dân.

Trong mô hình này, người nông dân là mắt xích quan trọng hàng đầu trong chuỗi. Tuy nhiên, người nông dân không tự tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ mà thực hiện liên kết với các doanh nghiệp theo các giao ước.

Để tổ chức sản xuất và quản lý vùng nguyên liệu, các hộ nông dân sẽ được tổ chức thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm có từ vài hộ cho đến chục hộ. Mỗi nhóm có một trưởng nhóm chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của nhóm, phổ biến thông tin và kế hoạch sản xuất... Các hộ giám sát hoạt động của nhau; nếu có trường hợp vi phạm, trưởng nhóm báo cáo DN và trưởng thôn để hợp kiểm điểm rút kinh nghiệm, thậm chí đưa ra khỏi liên kết nếu mức độ vi phạm quá nghiêm trọng. Trưởng thôn đóng vai trò giám sát tại các bản, thường được công ty hỗ trợ kinh phí nhất định.



Hình 1. Mô hình liên kết doanh nghiệp và hộ trồng chè ở xã Cao Bồ [3]

DN liên kết với các hộ trồng chè để đảm bảo có được vùng nguyên liệu sản xuất chè sạch, ổn định cho chế biến và xuất khẩu. Để đảm bảo chất lượng đầu vào theo qui trình sản xuất hữu cơ, DN chuyển giao kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và các yêu cầu khác về sản xuất chè hữu cơ cho người trồng chè thông qua các buổi tập huấn kỹ thuật hàng năm. DN thường phối hợp với chính quyền để tổ chức các buổi tập huấn, đồng thời giám sát việc canh tác theo quy chuẩn của các hộ trồng chè.

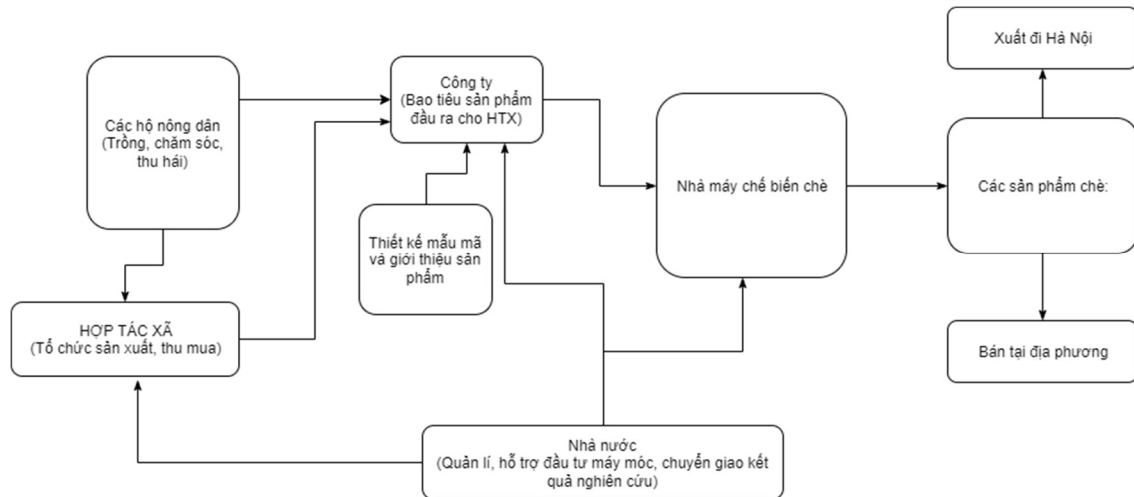
Ngoài hoạt động giám sát dựa vào cộng đồng, DN cũng tiến hành hoạt động giám sát độc lập các hộ trồng chè trong liên kết thông qua các đợt kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ. Tần suất và chất lượng giám sát phụ thuộc vào từng DN. Với những DN xuất khẩu sản phẩm chè hữu cơ vào thị trường châu Âu, Mỹ (như Công ty Cổ phần Trà Cao Bồ), chất lượng sản phẩm đầu vào và đầu ra đòi hỏi phải kiểm soát nghiêm ngặt; bởi vì nếu một lô hàng kiểm tra có chất kém sẽ bị ngừng nhập khẩu, thậm chí phải bồi thường thiệt hại cho đối tác. Điều này không những ảnh hưởng đến uy tín của DN trên thị trường thế giới

mà còn ảnh hưởng tới các hộ trồng chè. Trong khi các DN chỉ xuất khẩu vào các thị trường dễ tính như Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Ấn Độ, Pakistan ít hoặc không sử dụng hệ thống giám sát cộng đồng và không có hoạt động giám sát hay kiểm tra các hộ trong liên kết.

- *Hình thức liên kết giữa HTX - doanh nghiệp - hộ trồng chè - tổ chức khác*: đây là mô hình điển hình trong sản xuất chè hữu cơ tại tỉnh Hà Giang. Trong đó có sự tham gia của tổ chức khác bao gồm: HTX Tây Côn Lĩnh, công ty TNHH Thành Sơn, hộ nông dân trồng chè và Học viện Thiết kế Hoa Lan.

HTX Tây Côn Lĩnh là HTX kiểu mới được thành lập vào năm 2004, với 32 thành viên, gồm nhà nông (những người nông dân), nhà nước, nhà khoa học (một số nhà khoa học), doanh nghiệp (Công ty TNHH Thành Sơn).

HTX Tây Côn Lĩnh đã liên kết với các gia đình có chè Shan tuyết cổ thụ để mở rộng vùng nguyên liệu sản xuất hơn 600 ha (có 235,7 ha được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam). HTX đứng ra bao tiêu toàn bộ sản phẩm đầu ra cho các hộ dân.



Hình 2. Mô hình liên kết doanh nghiệp - HTX - người nông dân - bên khác [3]

HTX đã liên kết với Công ty TNHH Thành Sơn để chế biến toàn bộ sản lượng chè thành các sản phẩm chè có chất lượng cao. Một số sản phẩm của mô hình liên kết này đã khẳng định thương hiệu trên thị trường như Hồng Trà, Trà trắng, Trà Phở Nhĩ. Một số sản phẩm trà khác như trà Bạch mi Tiên Cô, trà Hồng Shan tuyết, trà Lạc Hồng, Lạc Việt, Cao trà, Mỹ phẩm và dược phẩm được chế biến từ chè. Đây là sản phẩm nghiên cứu của Doanh nghiệp khoa học công nghệ Thành Sơn nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và góp phần nâng cao giá trị của chè hữu cơ thông qua chế biến sâu. Đối với các sản phẩm trà chế biến sâu, có giá trị dinh dưỡng cao được tiêu thụ ở phân khúc người tiêu dùng có thu nhập cao.

Giống như các mô hình trước, các hộ trồng chè là chủ thể quan trọng, nắm giữ tư liệu sản xuất (đất đai, cây chè Shan tuyết). Các hộ trồng chè giữ vai trò đơn vị sản xuất trong mô hình.

Công ty TNHH Thành Sơn - doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, giữ vai trò nghiên cứu, chế biến các nguyên liệu do HTX cung cấp thành các sản phẩm Trà và dược liệu tốt cho sức khỏe. Công ty cũng đã nhận được sự hỗ trợ đầu tư công nghệ sấy lạnh và công nghệ diệt men bằng vi sóng. Công ty hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn cho người dân: hướng dẫn chăm sóc theo tiêu chuẩn hữu cơ, hướng dẫn thu hái và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các hộ trồng chè.

Ngoài chế biến trà, HTX Tây Côn Lĩnh và Công ty TNHH Thành Sơn bắt đầu xây dựng mô hình hệ sinh thái cây chè Shan tuyết gồm sản xuất, chế biến, không gian thưởng thức trà và du lịch trải nghiệm rừng chè cổ thụ trên dãy núi Tây Côn Lĩnh. Thông qua mô hình này công ty, HTX và người dân vừa tăng thêm thu nhập vừa quảng bá và tiêu thụ tại chỗ các sản phẩm trà với giá cao.

3.3. Đánh giá chung về mô hình chuỗi giá trị chè hữu cơ tại tỉnh Hà Giang

3.3.1. Thành tựu

Kết quả nghiên cứu các hình thức liên kết sản xuất chè hữu cơ theo chuỗi giá trị tại Hà Giang cho thấy, hình thức tổ chức sản xuất quyết định hiệu quả sản xuất và hiệu quả phát triển sản xuất chè hữu cơ theo chuỗi giá trị.

Trong chuỗi, HTX và doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng, quyết định tính bền vững và hiệu quả của mỗi mô hình, đặc biệt là các doanh nghiệp có năng lực chế biến và xuất khẩu.

Trong hầu hết các hình thức liên kết, doanh nghiệp đóng vai trò kết nối sản phẩm của người nông dân với thị trường, chuyển giao tri thức và phương pháp sản xuất mới theo hướng hữu cơ, tổ chức và kiểm soát quá trình sản xuất, áp dụng các công nghệ mới vào khâu chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm... Các doanh nghiệp có khả

năng tài chính, năng lực quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh và tìm kiếm thị trường.

Về giá cả, chè sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ có giá trị và hiệu quả cao hơn so với loại chè thông thường. Chè có chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn quốc tế, xuất khẩu vào thị trường châu Âu thu được giá trị lớn hơn, như trường hợp Công ty Cổ phần Trà Cao Bò xuất

khẩu trà xanh vào thị trường Đức với giá 7.500 USD/tấn, gấp hơn 4 lần so với giá chè xuất khẩu trung bình của Việt Nam. Một số công ty như Công ty TNHH Hoàng Long, xuất khẩu chủ yếu vào thị trường Đài Loan, giá trị xuất khẩu chỉ đạt 2.000 - 3.000 USD/tấn, bằng một nửa so với giá trị xuất khẩu một tấn chè vào thị trường châu Âu.

Bảng 2. So sánh hiệu quả giữa mô hình sản xuất chè hữu cơ và chè thông thường ở Hà Giang

Giá trị	Theo tiêu chuẩn IFOAM, Mỹ, châu Âu	Theo TCVN	Chè thông thường
Giá xuất khẩu (USD/tấn)	6.000 - 8.000	2.000 - 3.000	1.650 - 1.700
Giá thu mua (nghìn đồng/kg tươi)	25 - 50	15 - 30	4 - 15
Giá trị sản xuất/ha (triệu đồng)	42 - 43	33 - 35	15 - 20

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, tháng 5/2021.

Sự khác nhau về hiệu quả của các mô hình sản xuất chè cho thấy được vai trò và tầm quan trọng của các chủ thể cũng như giá trị đóng góp của từng mắt xích. Đối với các công đoạn sản xuất có sự đầu tư nghiên cứu và kinh phí của các chủ thể sẽ cho sản phẩm chè và các sản phẩm chế biến từ chè có giá trị cao hơn. Điều này được thể hiện ở số lượng sản phẩm phong phú và giá cả sản phẩm cao, phân khúc thị trường đối với người có thu nhập cao.

Bên cạnh đó, đối với các liên kết có sự kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình sản xuất sẽ cho các sản phẩm đảm bảo yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn đã đặt ra. Ngược lại, đối với những liên kết mà không có sự giám sát quá trình sản xuất sẽ dẫn đến chất lượng sản phẩm không ổn định và có tình trạng không đảm bảo sản lượng cần cung cấp cho DN hay HTX theo như cam kết.

Tương tự như trong quá trình chăm sóc cây chè, nếu hộ nông dân được các DN, HTX hỗ trợ hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, thu hoạch, hay hỗ trợ phân bón thì chất lượng và sản lượng đảm bảo hơn, đồng thời sự tham gia của người dân vào liên kết bền vững hơn. Rõ ràng là, mỗi chủ thể, mỗi thành phần trong CGT đều có ý nghĩa quan trọng trong phát triển thương hiệu và sản phẩm chè hữu cơ.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Cây chè Shan tuyết phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên nên năng suất, sản lượng không cao. Chi phí chăm sóc và thu hoạch chè lớn, khó áp dụng kỹ thuật đối với vùng cao (năng suất thu hái vùng cao 8 – 10 kg/người). Các hộ trồng chè thường thực hành canh tác đơn giản, để cây phát triển một cách tự nhiên, ít chăm sóc.

Kết quả khảo sát người dân và doanh nghiệp tại Hà Giang với cây chè hữu cơ cho thấy, mức độ liên kết giữa DN với người nông dân còn khá yếu. Các DN trong chuỗi liên kết đã cam kết bao tiêu toàn bộ sản phẩm của các hộ trồng chè. Nhưng do cạnh tranh giá thu mua chè búp tươi nguyên liệu giữa DN với cơ sở chế biến nhỏ hoặc giữa các DN với thương lái có sự chênh lệch, một sản lượng không nhỏ chè búp tươi được các hộ giữ lại để bán cho các chủ thể nằm ngoài liên kết.

Theo quan điểm của doanh nghiệp, mặc dù công ty biết có hiện tượng trên nhưng rất khó để xử lý. Điều này có thể tạo ra tiền lệ xấu, thậm chí phá vỡ liên kết giữa doanh nghiệp và người dân. Bởi vì doanh nghiệp trong liên kết chịu trách nhiệm về mặt thủ tục, quy trình và kinh phí để duy trì chứng nhận hữu cơ, xây dựng thương hiệu sản phẩm và mở rộng thị trường, nhưng người dân lại bán ra bên ngoài dẫn tới thiếu hụt

nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất; ảnh hưởng gián tiếp đến sản lượng xuất khẩu; đồng thời dẫn tới tình trạng không rõ ràng giữa sản phẩm hữu cơ và không hữu cơ.

3.4. Một số giải pháp nâng cao chuỗi giá trị chè hữu cơ

(1) Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển chuỗi giá trị nông sản, trong đó tập trung phát triển chuỗi giá trị chè hữu cơ ở Hà Giang

- Tập trung vào việc tạo cơ chế thuận lợi để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, người tham gia sản xuất, các doanh nghiệp, người tiêu dùng về vai trò và tính tất yếu trong phát triển chè hữu cơ theo chuỗi và các tác động của chuỗi tới sự phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh. Tạo sự thống nhất về nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ quản lý và các chủ thể đối với phát triển chuỗi giá trị chè hữu cơ.

- Ban hành các chính sách khuyến khích, hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè trên địa bàn tỉnh, nhất là sản phẩm chè hữu cơ. Đẩy mạnh đăng ký và quản lý vùng sản xuất chè hữu cơ để đảm bảo tiêu chí xuất khẩu.

- Thực hiện nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết, hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết, hỗ trợ tập huấn, đào tạo kỹ thuật sản xuất, nâng cao nghiệp vụ quản lý sản phẩm và các khâu sản xuất theo chuỗi. Ngoài ra, cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới và hỗ trợ các mô hình vay vốn ưu đãi để nâng cao hiệu quả của các khâu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Việc khuyến khích sự hình thành và quản lý chuỗi giá trị sản xuất chè hữu cơ cũng như thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế vào chuỗi rất cần sự vào cuộc của các cơ quan, ban ngành và chính quyền địa phương.

(2) Đổi mới và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất và chế biến sâu các sản phẩm chè

Đây là giải pháp quan trọng có ý nghĩa trong việc nâng cao giá trị sản phẩm chè hữu cơ vì hiện nay phần lớn chè hữu cơ tại Hà Giang đang được

xuất khẩu sang các nước khác dưới dạng sản phẩm thô, chưa qua chế biến. Điều này đã làm giảm giá trị của sản phẩm chè hữu cơ vốn có chất lượng cao.

Cần tăng cường liên kết, thúc đẩy hợp tác giữa nông dân với nhà khoa học, nhà khoa học với các doanh nghiệp, nhà quản lý để ứng dụng kỹ thuật sản xuất hiện đại với quy mô lớn. Đồng thời, thúc đẩy việc ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quá trình sản xuất, sơ chế, đóng gói, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm tăng giá trị sản xuất.

(3) Cải thiện cơ chế, chính sách ưu đãi về vốn cho chuỗi giá trị chè hữu cơ

Cần sớm hoàn thiện chính sách cho vay theo chuỗi như: vay đầu tư cải tạo diện tích, vay đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc và thiết bị sản xuất... Đặc biệt là đảm bảo nguồn lực để triển khai chính sách hiện tại; tháo gỡ thủ tục và tăng khả năng tiếp cận tín dụng: xóa bỏ vướng mắc thủ tục/miễn giảm thuế phí; chính sách ưu tiên doanh nghiệp, HTX sản xuất hữu cơ ứng dụng khoa học công nghệ cho sản xuất.

Trong các chính sách về vốn, cần ưu tiên hỗ trợ tín dụng theo chuỗi cho các sản phẩm nông sản chiến lược của địa phương, của quốc gia như chè Shan tuyết thay vì phân bổ đều như hiện nay để khắc phục tình trạng liên kết manh mún, lỏng lẻo hoặc bị đứt gãy...

(4) Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm

Không chỉ thị trường trong nước mà còn ở ngoài nước, đặc biệt với các thị trường tiêu thụ sản phẩm chất lượng cao như thị trường châu Âu, Canada... Để thực hiện được mục tiêu này, cần đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn hữu cơ trong nước và quốc tế, phù hợp với từng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Thường xuyên rà soát các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tham gia sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nhằm định hướng xây dựng CGT đáp ứng yêu cầu mới. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa DN và chính quyền địa phương trong việc xúc tiến mở rộng thị trường. Ứng dụng công nghệ số

trong cập nhật và thực thi các hiệp định thương mại, kết nối sản phẩm vào chuỗi giá trị thương mại toàn cầu thông qua xây dựng thương hiệu, hình ảnh và kết nối mạng lưới kiểm định, tiêu thụ sản phẩm.

(5) Cần có cơ chế giám sát việc thực hiện các quy trình sản xuất để đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn hữu cơ đã đặt ra

Thực hiện giám sát hoạt động của các hộ nông dân tham gia vào chuỗi đóng vai trò quan trọng, các hộ nông dân phải đảm bảo yêu cầu từ quá trình canh tác, chăm sóc để làm cơ sở cho việc hình thành sản phẩm có chất lượng cao. Việc giám sát có thể thực hiện theo phương thức giám sát chéo giữa các hộ nông dân, tổ hợp tác, giám sát giữa doanh nghiệp và người dân.

Cần có sự tham gia của chính quyền địa phương trong việc giám sát hoạt động sản xuất của người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, cơ quan quản lý nhà nước cũng cần quản lý việc thực hiện công bằng hợp đồng hay giao ước giữa doanh nghiệp, HTX và người nông dân.

4. Kết luận

Hà Giang có điều kiện tự nhiên về địa hình, khí hậu phù hợp với sự tăng trưởng của cây chè. Trong những năm qua, sản phẩm chè Shan tuyết hữu cơ đã có những đóng góp đáng kể trong phát triển kinh tế nông nghiệp và nâng cao đời sống của người dân ở Hà Giang.

Quản lý chè hữu cơ theo CGT là giải pháp tối ưu trong phát triển và khẳng định thương hiệu ngành chè tại tỉnh Hà Giang. CGT chè hữu cơ tại tỉnh Hà Giang đã và đang được xây dựng và hoạt động theo các hình thức liên kết khác nhau. Các chủ thể tham gia gồm: hộ nông dân trồng chè, HTX, DN và các bên liên quan khác. Mỗi chủ thể đều có vai trò quan trọng trong từng khâu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè hữu cơ.

Phát triển chè hữu cơ theo CGT đã có những đóng góp quan trọng trong nâng cao chất lượng, duy trì và mở rộng diện tích chè hữu cơ, nâng cao thu nhập người dân và vị thế của sản phẩm chè trong nông nghiệp tỉnh Hà Giang.

Để nâng cao CGT chè hữu cơ Hà Giang cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển chuỗi giá trị nông sản hữu cơ, trong đó có chính sách về vốn. Ngoài ra, cần tăng cường thúc đẩy liên kết giữa các nhà khoa học với các DN, người dân trong ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất và chế biến sâu các sản phẩm chè. Đồng thời, cần tăng cường vai trò của nhà quản lý, chính quyền địa phương trong liên kết với DN trong mở rộng, ổn định thị trường tiêu thụ; đặc biệt là trong xây dựng và thực hiện quy chế giám sát quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè hữu cơ, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển hiệu quả CGT chè tại tỉnh Hà Giang./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thế Anh và cộng sự (2020), *Phát triển chuỗi giá trị nông sản thực phẩm an toàn, bền vững ở Việt Nam*, NXB Xây dựng, NXB Nông nghiệp, 2020.
2. Tỉnh ủy Yên Bái (2021), *Nghị quyết 20-NQ/TU về phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025, ngày 20/1/2021*.
3. Phạm Thị Trâm và nnk (2022), *Phát triển nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh Hà Giang và Yên Bái*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ 2021-2022, Viện Địa lý nhân văn.
4. Porter, M. (1985), *The value chain and competitive advantage, Chapter 2 in Competitive Advantage: Creating and Sustaining Superior Performance*, Free Press, New York, 33-61.

Thông tin tác giả:

Phạm Thị Trâm - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ: 176 phố Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Email: trampham.iesd@gmail.com; Điện thoại: 0984.845279

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 17/9/2023
Biên tập: 9/2023